

TỔNG THỐNG HOA KỲ RICHARD MILHOUS NIXON VỚI CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH LÊ*

Trong sự nghiệp chính trị của mình, năm 1972 có vị trí đặc biệt đối với Richard Nixon: Đây là giao thời giữa 2 nhiệm kỳ tổng thống và R. Nixon đã đạt uy tín chính trị cao bởi có nhiều thành tựu lớn mà không phải vị tổng thống Mỹ nào cũng có được. R. Nixon đã xây dựng được mối quan hệ nước lớn chưa từng có trong lịch sử chiến tranh lạnh: Thành công vang dội khi mở được giao lưu ở tầm cao với 2 nước cộng sản là Liên Xô, Trung Quốc. Hơn thế nữa dường như Hoa Kỳ còn trở thành mắt xích nối kết cho 2 cường quốc này!

Trên chiến trường, chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” của R. Nixon đang thuận lợi, hầu hết quân Mỹ đã rút khỏi miền Nam Việt Nam đã cắt được nỗi lo toan của cử tri Mỹ bởi con em họ chiến đấu ở một địa bàn hiểm nghèo. Tại bàn đàm phán, Hoa Kỳ tuyên bố hòa bình (ở Việt Nam) đã trong tầm tay. Bên cạnh đó Hoa Kỳ còn có thành công vang dội của NASA khi thám hiểm mặt trăng.

Trái lại, những thuận lợi hay thế mạnh của Hoa Kỳ, của tập đoàn R. Nixon lại là điểm khó khăn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, bất chấp mọi khó khăn, phức tạp, nhân dân Việt Nam vẫn kiên trì đẩy mạnh sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà của

mình và vì thế năm 1972 đã trở thành điểm mốc đánh dấu sự phá sản mọi chính sách của R. Nixon đối với chiến tranh Việt Nam.

Với R. Nixon năm 1972 quả đáng nhớ, với bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu tính toán... Năm ông giành được nhiều thắng lợi, uy tín lên cao nhưng cũng không ngờ trên đỉnh tháp đó, R. Nixon gần như rơi tự do bởi dính vào vụ Watergate

Trong đồ thị *hình sin* đó, bước thăng trầm của R. Nixon ở thời điểm này hầu như gắn liền với cuộc chiến của Hoa Kỳ ở Việt Nam đang diễn ra trong năm 1972, qua 3 nội dung chính: với “Việt Nam hóa chiến tranh”, quan hệ nước lớn và Hội nghị Paris bàn về hòa bình ở Việt Nam và với chính cuộc chiến tranh Hoa Kỳ đang theo đuổi ở Việt Nam.

1. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và kế hoạch rút quân Mỹ

Trong các chính sách của các Tổng thống Hoa Kỳ về chiến tranh Việt Nam, R. Nixon là người có chiến lược thật sự được áp dụng ở chiến trường, chiến lược có tên gọi chính thức là *Việt Nam hóa chiến tranh*.

Khi R. Nixon trở thành tổng thống, nước Mỹ đang trong cảnh chia rẽ sâu sắc chưa từng có bởi hậu quả của cuộc chiến tranh do Washington tiến hành ở Việt Nam. Cuộc tiến công của quân đội và nhân dân miền

*PGS.TS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

Nam Việt Nam năm 1968 đã làm phá sản cuộc chiến tranh mà Lyndon Baines Johnson đang đẩy lên đỉnh cao, đẩy Nhà Trắng và Lầu Năm Góc lâm vào bế tắc trên chiến trường. Các đời tổng thống Mỹ, người sau tiếp gót người trước, lừa dối quốc hội và nhân dân Mỹ, theo đuổi cuộc chiến tranh từ thấp lên cao, cuối cùng đưa hơn nửa triệu quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam, chiến đấu mấy năm liền, tưởng tìm diệt được Việt cộng, nhưng cuối cùng bị đối phương tiến công dồn dập trong mùa Xuân 1968. Kế hoạch Phi - Mỹ hóa dưới thời Johnson đã thất bại.

Năm 1969, tân Tổng thống Mỹ R. Nixon tiếp thu di sản thảm bại đó. Henry Kissinger miêu tả tình trạng này là “đường như R. Nixon đã tiếp thu nổi thuốc độc cổ bự do Johnson trao lại là Hoa Kỳ đang lún sâu trong cuộc chiến không có lối thoát Việt Nam” (1).

Nhận thức thấy hạn chế về cuộc chiến tranh *Mỹ hóa* ở Việt Nam và cả chiến lược toàn cầu của người tiền nhiệm, R. Nixon cùng các cố vấn tìm giải pháp mới để đưa Hoa Kỳ ra khỏi khủng hoảng ở Việt Nam. Học thuyết R.Nixon và “Việt Nam hóa chiến tranh” ra đời trong bối cảnh đó (2).

Học thuyết R. Nixon là cơ sở để Hoa Kỳ áp dụng Việt Nam hóa chiến tranh ở Việt Nam, được R. Nixon tuyên bố chính thức trong cuộc gặp Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Midway ngày 8-6-1969 (3).

Cặp bài trùng Học thuyết Nixon và “Việt Nam hóa chiến tranh” được các chính khách Hoa Kỳ đánh giá cao, tin rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ có cơ phát triển. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Melvin Laird nhận xét: Học thuyết R. Nixon giúp chính phủ Việt Nam Cộng hòa phát triển mạnh hơn,

kinh tế mạnh hơn, quân sự mạnh hơn và an ninh quốc tế mạnh hơn (4).

Nội dung cơ bản của “Việt Nam hóa chiến tranh” là đưa quân đội Sài Gòn thay thế vai trò quân đội Hoa Kỳ để tiến hành cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam. Trong những năm từ 1965 đến 1968 chính là thời kỳ “Mỹ hóa” cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Vì thế khi công bố học thuyết của mình, R. Nixon đã gắn song song khái niệm “Việt Nam hóa chiến tranh” với “Phi - Mỹ hóa chiến tranh”. “Việt Nam hóa chiến tranh” là một phần cụ thể trong Học thuyết R. Nixon nhằm giải quyết các vấn đề quốc tế theo phương lược mới là ngoại giao nước lớn, cộng đồng/chia sẻ trách nhiệm (5). “Việt Nam hóa chiến tranh” là sản phẩm chính trị đầu tiên của Học thuyết Nixon trên trường quốc tế.

Với học thuyết của mình, R. Nixon đã đáp ứng được dư luận Hoa Kỳ, người ta tính rằng đến năm 1969, có khoảng hơn 80% công luận được thuyết phục rằng R. Nixon muốn đạt được hòa bình ở Việt Nam (6).

“Việt Nam hóa chiến tranh” của R. Nixon có nội dung và lộ trình thực hiện khá cụ thể: Đó là quá trình rút quân Mỹ về nước và dôn quân đội Sài Gòn lên thay quân đội Mỹ chiến đấu trên chiến trường miền Nam, hàng năm Hoa Kỳ rút khoảng 15 đến 30% quân số về nước.

Thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, năm 1969 có khoảng 26% quân Mỹ ở chiến trường miền Nam về nước, 34% năm 1970, 45% vào tháng 5 năm 1971 và đã rút 7/10 tổng số quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam về Mỹ vào thời gian bầu cử tổng thống năm 1972 (7).

Bởi xu thế chiến tranh ở Việt Nam khi Hoa Kỳ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” giống cuộc chiến đã xảy ra ở đây từ

năm 1961 đến 1964 - thời gian trước khi Hoa Kỳ đổ quân vào miền Nam Việt Nam, nên có cựu chiến binh Mỹ nói rằng “Việt Nam hóa chiến tranh” là sự tua ngược lại bộ phim chiến tranh ở Việt Nam (8).

Trong những năm Hoa Kỳ thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, mức độ chiến sự ở miền Nam không ác liệt như thời kỳ hình thái chiến tranh cục bộ, nhưng có khi nó bùng phát và chiến tranh trên bộ tràn khắp Đông Dương.

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã đẩy quân Sài Gòn ra tuyến trước. Quân đội Sài Gòn được Hoa Kỳ trang bị vũ khí hiện đại, quân số đông, có các quân binh chủng với hỏa lực rất mạnh, nhất là không quân, hải quân, pháo binh. Vì thế có ý kiến cho rằng sau năm 1968 quân đội Sài Gòn khá hơn trước, không còn là đội quân chỉ biết đảo chính và duyệt binh. Nhưng các tướng lĩnh Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam vẫn tính rằng đến năm 1972, sau 4 năm thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, quân Sài Gòn vẫn chỉ giỏi uống rượu và bông súng (*Dink and Slope*) (9).

Năm 1972, lực lượng quân đội Hoa Kỳ còn lại ở miền Nam chủ yếu là không quân, hải quân và với khoảng 2 sư đoàn bộ binh đứng phía sau yểm trợ cho quân Sài Gòn tác chiến. Dù ở chiến trường miền Nam chỉ còn mấy vạn quân nhưng Hoa Kỳ đã viện trợ hỏa lực tối đa cho quân đội Sài Gòn ở mặt trận Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Trị - Thiên với mức độ cao chưa từng có và trong chiến trận Hoa Kỳ chỉ thiệt hại nhẹ về nhân lực.

Trên địa hạt kinh tế, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Hoa Kỳ giúp Nguyễn Văn Thiệu thực hiện khẩu hiệu “hữu sản hóa nông dân”, người cày có ruộng và nó đã đạt được những kết quả nhất định. Cùng với đà kinh tế phục hồi

nhờ viện trợ mọi mặt của Hoa Kỳ, các chiến dịch bình định nông dân của chính quyền Sài Gòn đã giành lại nhiều vùng nông thôn trước đây từng do Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam kiểm soát.

Về hình thức, đến năm 1972, nhiều mặt của chương trình “Việt Nam hóa chiến tranh” của R. Nixon có vẻ đã thành công. R. Nixon đang tự tin đã kết thúc thắng lợi nhiệm kỳ tổng thống lần thứ 37 và đang là ứng cử viên nặng ký nhất cho nhiệm kỳ tổng thống kế tiếp. Vào thời gian bản lề trong tranh cử tổng thống, “Việt Nam hóa chiến tranh” gắn với tên tuổi R. Nixon đang ở thế thuận lợi. Uy tín của Đảng Cộng hòa và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của R. Nixon có phần vượt trội so với đảng đối lập, Đảng Dân chủ.

Nhưng chiến sự năm 1972 ở miền Nam Việt Nam bùng nổ từ ngày Lễ Phục sinh đã đưa “Việt Nam hóa chiến tranh” vào trạng thái mới: thực chất và sức mạnh của nó sẽ được thử thách trên chiến trường từ mùa Hè 1972 đến mùa Xuân 1973.

2. Ngoại giao nước lớn và hòa đàm ở Paris

Tháng 5 năm 1968, đại diện chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính phủ Hoa Kỳ gặp nhau tại Paris và quyết định sẽ tiến hành đàm phán để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, sự kiện này được gọi tắt là cuộc *hòa đàm*.

Phiên họp đầu tiên của đại diện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Hợp chúng quốc Hoa Kỳ vào tháng 1 năm 1969. Sau đó hòa đàm có đại diện 4 chính phủ tham dự. Như vậy, hòa đàm Paris để lập lại hòa bình ở Việt Nam diễn ra dưới thời Tổng thống R. Nixon.

Trong năm 1969 và 1970, phái đoàn Hoa Kỳ nêu yêu cầu giải pháp *vấn hồi hòa bình*

có lợi cho mình (10). Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam chỉ nêu 2 nội dung chủ yếu: tố cáo Hoa Kỳ xâm lược Việt Nam và đòi Hoa Kỳ phải rút quân về nước. Đó là 2 yêu cầu tiên quyết trước khi bàn về giải pháp toàn cục. Cuộc đấu tranh theo 2 bên 2 hướng như trên kéo dài đến suốt mấy năm. Đại diện chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Cố vấn Lê Đức Thọ với đại diện chính phủ Hoa Kỳ - H. Kissinger đã tổ chức nhiều cuộc họp kín và năm 1972 giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã dần xấp được bản dự thảo Hiệp định.

Hoa Kỳ mong có hiệp định Paris về hòa bình ở Việt Nam được kí trong năm 1971. Bởi nếu có hiệp định hòa bình về Việt Nam thì sẽ có lợi cho R. Nixon trong năm 1972, năm bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ, đây là yếu tố vô cùng quan trọng để R. Nixon sẽ đắc cử tổng thống với ưu thế tuyệt đối so với các ứng cử viên khác. Vì thế Hoa Kỳ đã có nhân nhượng quan trọng là không đòi đối phương cũng rút quân khỏi miền Nam Việt Nam như phương án “có đi có lại” trước đây (11).

Khi mở được quan hệ mới với Trung Quốc và Liên Xô thì trên bàn hội nghị Paris, tập đoàn R. Nixon tỏ thái độ thượng phong ép Hà Nội nhân nhượng một số yêu cầu của Hoa Kỳ. R. Nixon tin rằng Hà Nội chỉ duy trì được cuộc kháng chiến ở miền Nam bởi có Mátxcova và Bắc Kinh ủng hộ, nên khi Nhà trắng bắt tay với Liên Xô, Trung Quốc thì Việt Nam sẽ phải xuống thang, nhượng bộ yêu cầu của Hoa Kỳ trong đàm phán.

Dù có bất lợi bởi sự *thỏa thuận ngầm* giữa các nước lớn về vấn đề Việt Nam nhưng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt

Nam kiên quyết giữ lập trường của mình, nhất quyết đòi Hoa Kỳ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là nguyên tắc, là điều kiện tiên quyết để kí hiệp định.

Cuối năm 1971, khi xác định được các cuộc gặp thượng đỉnh sẽ diễn ra giữa R. Nixon với các nhà lãnh đạo Liên Xô và Trung Quốc, phái đoàn Hoa Kỳ tại hội đàm Paris tuyên bố hoãn vô thời hạn các cuộc họp công khai. Sau đó không ít lần Hoa Kỳ thông qua tổ chức hoặc quốc gia trung gian chuyển ý kiến của mình về dự kiến nội dung hiệp định đến phái đoàn Việt Nam. Năm 1972, khi các hoạt động ngoại giao với chính phủ Trung Quốc và Liên Xô thành công, Hoa Kỳ nhờ họ gửi thông điệp cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hi vọng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ nhượng bộ một số điều khoản có lợi cho Hoa Kỳ. Nhưng phía Việt Nam luôn giữ đường lối độc lập của mình và khẳng định dứt khoát là Hoa Kỳ hãy trao đổi ý kiến trực tiếp với phái đoàn Việt Nam, không qua trung gian.

R. Nixon từng sử dụng quan hệ với Liên Xô để chống Trung Quốc và ngược lại dùng Trung Quốc để ép Liên Xô và có làm vậy thì Hoa Kỳ mới dễ tự chen chân chính trị vào giữa 2 quốc gia này. Thậm chí tập đoàn R. Nixon có khi còn đứng ở vị thế trung gian để *kết nối Xô - Trung*. Hoa Kỳ sử dụng lá bài cùng nắm tay 2 cường quốc để tạo uy tín cho mình và mưu tính rằng hệ quả của mối quan hệ mới này sẽ có lợi cho Hoa Kỳ khi thương thuyết với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại hội nghị Paris.

R. Nixon nhiều lần chơi *con bài tay ba* dùng quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ - Liên Xô - trong đó Hoa Kỳ là tâm điểm - để giải quyết vấn đề Việt Nam. Nhưng sau nhiều lần “đi đêm” bất thành, cơ quan an ninh Hoa Kỳ đã báo cho tập đoàn R. Nixon biết

rõ là Việt Nam có con đường đi riêng giữa Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa chứ không theo cách Hoa Kỳ sắp đặt (12).

Ngày 8-10-1972, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao cho Hoa Kỳ bản dự thảo Hiệp định và sau chỉnh sửa một vài điểm, đến gần ngày bầu cử tổng thống, phía Hoa Kỳ đã chấp nhận một số yêu cầu khá cơ bản của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên bàn đàm phán (13). Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ, Kissinger mong kí tắt hiệp định trước ngày 15-10-1972, nếu sớm hơn càng tốt (14). Vì thế khoảng thời gian mấy tháng trước khi bầu cử tổng thống, Nhà Trắng tuyên bố rằng hòa bình về Việt Nam đã trong tầm tay và Hoa Kỳ sẽ chấm dứt chiến tranh trong danh dự.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (thay mặt Chính phủ Cách mạng Lâm thời) và phía Hoa Kỳ (thay mặt chính quyền Sài Gòn) đã dự kiến ký Hiệp định vào ngày cuối tháng 10 năm 1972. Trong dự thảo Hiệp định này, Việt Nam đã đạt được các mục tiêu đề ra là Mỹ chấm dứt chiến tranh và rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Nhưng khi biết chắc chắn tái trúng cử tổng thống và đồng thời quan hệ Hoa Kỳ-Liên Xô và Hoa Kỳ - Trung Quốc phát triển đúng hướng mong muốn của mình, R. Nixon bỏ kí tắt, với lý do là chính quyền Sài Gòn phản đối nội dung đã được thỏa thuận giữa phái đoàn của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính phủ Hoa Kỳ (15).

Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố nội dung đã thỏa thuận với Hoa Kỳ và tuyên bố Hoa Kỳ lật lọng trong thương lượng. Hội nghị Paris rơi vào bế tắc, các đoàn về nước và tổng thống tái đắc cử R. Nixon gỡ ngón bài

đã tính toán từ trước với cuộc chiến ở Việt Nam: dùng B.52 đánh phá Hà Nội và các thành phố ở miền Bắc nhằm ép Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quay lại đàm phán và đồng thời phá hủy tiềm năng quốc phòng, kinh tế của miền Bắc.

Mặt khác, R. Nixon ép chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phải đồng ý với Hoa Kỳ về các điều khoản hiệp định mà Hoa Kỳ đã chấp thuận. Dù chính phủ Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn phụ thuộc vào Hoa Kỳ về mọi mặt nhưng vì lương được nguy cơ rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ thảm bại nếu quân đội đồng minh rút hết khỏi miền Nam Việt Nam bởi vì trên chiến trường này chỉ một mình quân đội Sài Gòn đối phó với lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam thì chế độ Việt Nam Cộng hòa nhất định sẽ nhanh chóng sụp đổ.

Dù được Hoa Kỳ hứa hẹn, trấn an bằng cách huy động lực lượng không quân, hải quân đánh phá ác liệt chưa từng có đối với Quân Giải phóng trong mùa Hè 1972 (16), nhưng Nguyễn Văn Thiệu vẫn khẳng khái đòi sửa đổi dự thảo Hiệp định. Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời chính trị luôn tuân thủ mọi quyết định từ Washington, Thiệu đã chống đối Mỹ. Do vậy quan chức Hoa Kỳ mỉa mai: “Sau nhiều năm khẳng định chính quyền Việt Nam Cộng hòa là chính phủ độc lập (theo nghĩa châm biếm là luôn tuân thủ ý kiến của Nhà trắng), bây giờ chúng ta lại bức tức vì chính phủ đó hành động đúng như vậy” (17).

Nhưng R. Nixon rất kiên quyết, ngày 17-12-1972, ông ta gửi thư nói thẳng với Nguyễn Văn Thiệu: “Bây giờ ngài phải quyết định liệu ngài có mong muốn tiếp tục làm việc với chúng tôi nữa không hay ngài muốn chúng tôi tìm một thỏa thuận với kẻ thù mà chỉ phục vụ riêng lợi ích của Hoa Kỳ” (18).

Cuối năm 1972, sau thất bại trong chiến dịch Linebacker II, phái đoàn Hoa Kỳ phải kí Hiệp định Paris về Việt Nam (1-1973).

Hiệp định Paris về Việt Nam (1-1973) đã làm thất bại sự ngạo mạn của chính quyền R.Nixon từng muốn kí một hiệp định trong thế thượng phong đối với lực lượng kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

3. Với chiến tranh Việt Nam

Khi R. Nixon bước vào Nhà Trắng, nước Mỹ đang chìm sâu trong trạng thái chia rẽ, bất đồng trong nước và đang khủng hoảng trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Nhưng R. Nixon lạc quan rằng ông ta sẽ chủ động để kết thúc chiến tranh Việt Nam trong 1 năm. R. Nixon tự tin ở mức thái quá rằng ông ta là người duy nhất làm được điều đó (19).

Cũng như những người tiền nhiệm, khi vận động tranh cử R. Nixon hứa hẹn sẽ tìm giải pháp hòa bình cho cuộc chiến ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi đã vào làm chủ Nhà trắng, R. Nixon bộc lộ hết bản chất phức tạp, khó lường, mưu mô, lăm thủ đoạn trong tìm kế sách ứng phó với “vấn đề Việt Nam”.

Trong diễn văn ngày 14-5-1969, R. Nixon phát biểu dứt khoát giải pháp cho chiến tranh Việt Nam là tất cả các lực lượng không phải là người miền Nam Việt Nam (tức là lực lượng nước ngoài đồng minh của Sài Gòn và người miền Bắc!) sẽ rút khỏi miền Nam rồi sẽ bàn đàm phán hòa bình. Dư luận Hoa Kỳ nhận xét rằng R.Nixon đã trợn lăn sự không khoan nhượng (với lực lượng kháng chiến) với một giọng điệu hòa giải (20).

R. Nixon quyết định mở rộng cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam với quyết tâm là Hoa Kỳ nhất định thắng, không thể thất bại trong cuộc chiến tranh này. R. Nixon đã quyết định sẽ thực hiện ở Việt

Nam 4 mục tiêu quân sự: 1- Bỏ hạn chế các tư lệnh Mỹ ở chiến trường, cho họ sử dụng sức mạnh của quân đội Mỹ nhằm đánh bại đối phương; 2- Chấm dứt việc ngừng ném bom miền Bắc, đánh phá lại các mục tiêu ở Bắc Việt Nam; 3- Rải mìn Hải Phòng, dọa tấn công ra miền Bắc Việt Nam; 4- Đuổi đánh các đơn vị vũ trang đối phương (lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam) ở Lào và Campuchia (21).

Đến năm 1972, ý đồ trên của R. Nixon đã thực hiện, trừ đưa chiến tranh trên bộ ra miền Bắc. Để thực thi chính sách của mình R.Nixon cho rằng Hoa Kỳ phải có phương lược mới để phù hợp với cuộc chiến ở Đông Dương khi phải đối diện với một bộ Chính trị ở Hà Nội không nhân nhượng, một chính quyền Việt Nam Cộng hòa lệt bệt và với một hậu phương (tức nước Mỹ) dường như không yêu nước (22). Phương lược đó là mở rộng chiến tranh trên bộ ra cả Đông Dương, xóa vùng “đất thánh cộng sản”.

Nhưng sự kiện thất bại trong chiến dịch Lam Sơn 719 năm 1971 ở Lào đã báo hiệu về sự phá sản tất yếu của “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nhưng vớt lại sự thất bại đó, năm 1972 R.Nixon lại có thành công nổi bật là mở được quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc và có thành tựu mới trong chinh phục vũ trụ. Nhưng cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân Giải phóng ở miền Nam Việt Nam đã giảm bớt lợi thế trên và làm đảo lộn tính toán của R. Nixon về chiến tranh Việt Nam.

Tuy nhiên, với bản chất hiếu chiến, hiếu thắng của mình, R. Nixon đã phản ứng quyết liệt: huy động tất cả lực lượng có thể huy động được để hạ gục đối phương và ông ta coi đây là duyên cớ tốt nhất để đánh gãy xương sống Bắc Việt. R. Nixon lớn tiếng dọa rằng chúng ta (Hoa Kỳ) sẽ làm nổ tung

quân trời đánh (23) (chỉ lực lượng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang tiến công đối phương năm 1972).

Khi hạ cấp có vẻ chậm chạp trong phản ứng chống lại đòn tiến công của quân giải phóng vào mùa Hè năm 1972, R. Nixon đã đổ trách, cảnh báo rồi bơm tinh thần cho Moorer (24) rằng đây là cơ may để Hoa Kỳ sử dụng lực lượng quân sự để giành chiến thắng cuộc chiến tranh này. R. Nixon đe dọa thẳng thừng rằng nếu Moorer không dùng (sức mạnh tối đa đánh đối phương) thì Nhà Trắng sẽ xem xét, qui ông ta người chịu trách nhiệm (25).

Khác với người tiền nhiệm (L.Johnson) khi mở rộng chiến tranh Việt Nam bằng leo thang dần từng bước, R. Nixon đã phản ứng ngay lập tức huy động quân lực tối đa đánh ào ạt, phủ đầu quyết liệt vào đối phương, kể cả vào trung tâm chính trị của Hà Nội.

Từ ngày 6-4-1972, lực lượng không quân và hải quân Hoa Kỳ đánh phá ác liệt vùng phía Nam Khu 4 để chặn luồng chi viện từ miền Bắc vào chiến trường Trị - Thiên. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 của Hoa Kỳ lan nhanh khắp mọi tỉnh thành ở miền Bắc. Năm 1972, Hoa Kỳ sử dụng lực lượng không quân và hải quân đánh phá tàn khốc các mặt trận ở phía Nam, số bom đạn Hoa Kỳ sử dụng ở miền Nam Việt Nam trong năm này bằng tổng số bom đạn 3 năm trước cộng lại (năm 1969, 1970, 1971).

Tại miền Bắc, chiến dịch Linebacker II của Hoa Kỳ đã huy động tối đa lực lượng không quân chiến lược B52 ném bom tàn phá Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác ở miền Bắc. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, nhân loại thấy một cường quốc dùng máy bay chiến lược B52 đánh phá hủy diệt thủ đô một nước có chủ quyền. Nhưng trong tuần lễ Giáng sinh năm 1972,

hàng chục máy bay chiến lược B52 của Hoa Kỳ đã bị phòng không miền Bắc bắn hạ. Đây cũng là sự kiện chưa từng có trong lịch sử chiến tranh hiện đại. Sự kiện này đã buộc Hoa Kỳ quay lại bàn đàm phán và kí Hiệp định Paris về Việt Nam (1-1973).

*

Nhìn lại một cách hệ thống, năm 1972 R. Nixon vừa thu được những kết quả to lớn trong quan hệ nước lớn, làm dịu chiến tranh lạnh và có ảnh hưởng lâu dài đến sự biến chuyển của một số quốc gia và khu vực trên thế giới (26). Với Việt Nam, R.Nixon là tổng thống vừa mở rộng chiến tranh tàn bạo nhất đồng thời là người đã rút toàn bộ quân Mỹ khỏi chiến trường Việt Nam.

R.Nixon đã đạt đỉnh cao quyền lực, nâng uy tín trong nước và trên trường quốc tế trong năm 1972. Nhưng ngay trên đỉnh vinh quang này, R. Nixon rơi vào rồi chìm trong vụ bê bối Watergate, buộc phải từ chức.

Vụ Watergate xảy ra trong năm 1972, vào dịp bầu cử tổng thống Hoa Kỳ. Sự kiện này liên quan một phần đến chiến tranh Việt Nam: tập đoàn R.Nixon nghe lén thăm dò chính sách của Đảng Dân chủ khi tranh cử, trong đó có một điểm nổi bật là Đảng Dân chủ sẽ giải quyết vấn đề Việt Nam như thế nào.

Thăng trầm trong sự nghiệp chính trị của Tổng thống R.Nixon đã gắn liền với cuộc chiến của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Nhìn lại toàn bộ phương lược chiến tranh do Hoa Kỳ theo đuổi ở Việt Nam cho thấy rằng R.Nixon là tổng thống Mỹ hiếu chiến, lắm mưu đồ, lắt léo nhất so với tất cả các tổng thống Hoa Kỳ đã dính líu cuộc chiến ở Việt Nam. Nhưng rốt cuộc R.Nixon đã thất bại cả ở trên chiến trường và trong nước. Năm 1972 bắt đầu ghi dấu sự thất sủng của R. Nixon, vị tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ.

CHÚ THÍCH

(1). Theo cách nói của Henry Kissinger, R. Nixon đã kế thừa nỗi thuốc độc cơ bản của Johnson-đó là tai họa (chính sách của Johnson) có rất ít nếu không nói là không có cơ hội thắng quân sự. Henry Kissinger, *White House Years*, Boston: Little, Brown, 1979, p. 227.

(2). Ngày 25 tháng 7, tại Guam, R. Nixon chính thức thông báo Học thuyết R. Nixon. Học thuyết này có 3 nội dung chính: Sức mạnh ô hạt nhân của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ các quốc gia liên minh nhưng các đồng minh của Hoa Kỳ phải cộng đồng chia sẻ trách nhiệm.

(3). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 31.

(4). Richard R. Nixon, *The Real War*, A warner Communications Company, 1980, tr. 107.

(5). Nghĩa là các nước đồng minh phải chia sẻ trách nhiệm với Hoa Kỳ, đồng góp với Hoa Kỳ khi giải quyết các vấn đề chính trị quốc tế và khu vực.

(6). Louis Harris, *The Anguish Of Change* New York, 1973, tr. 69.

(7). Louis Harris, *The Anguish Of Change* New York, 1973, tr. 73. Xin lưu ý số liệu này ở một số công trình nghiên cứu khác cho tư liệu khác.

(8). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 113.

(9). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 127.

(10). Ngày 4-5-1969, Tổng thống Mỹ Richard R. Nixon đưa ra "Đề nghị tám điểm" với nội dung ngừng bắn, trao trả tù binh là quân đội Hoa Kỳ và quân đội miền Bắc rút khỏi Nam Việt Nam.

(11). Muốn cả 2 bên (quân đội Hoa Kỳ và bộ đội miền Bắc) cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam.

(12). Jeffrey Kimball, *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam*, tr. 128-129.

(13). Ngày 8-10-1972, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đưa ra dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến

tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và dự thảo Thỏa thuận về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, trong đó tập trung giải quyết những vấn đề chính trị và quân sự liên quan đến Mỹ như yêu cầu Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, ngừng bắn, Mỹ rút quân.

(14). Jeffrey Kimball, *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam*, tr.394.

(15). Đối phương đòi quân đội Hoa Kỳ và miền Bắc đều rút khỏi miền Nam Việt Nam.

(16). Một trong những lý do R. Nixon cho ném bom tàn bạo ở Quảng Trị từ đầu Hè năm 1972 cũng như thực hiện chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 là R. Nixon quyết làm suy yếu lực lượng cách mạng và đồng thời là lời hứa với Thiệu về việc Hoa Kỳ không từ bỏ miền Nam.

(17). Dẫn theo Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, tr. 319.

(18). Jeffrey Kimball, *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam* tr.541.

(19). Jeffrey Kimball, *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam*, tr. 113.

(20). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, tr. 114.

(21). Dẫn theo Giô- dép A Am- tơ, *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1985, tr 244.

(22). R. Nixon, *Public papers of Presidents of the United States*, 1970, tr. 540.

(23). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, tr.394.

(24). Đô đốc Thomas H. Moorer, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ.

(25). Gregory A. Daddis: *Rút quân nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam*, tr. 536

(26). Như dư luận đánh giá năm 1972, R.Nixon đã mở ra hướng pstrmowis cho Trung Hoa đại lục, để từ đó đến nay một cường quốc ra đời và lớn mạnh không ngừng. R.Nixon cũng “quay xe” trong chiến lược Hoa Kỳ từng áp dụng ở địa bàn Châu Á - Thái Bình Dương.